TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/ HNGĐ- ST
Ngày 30/9/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Nguyễn Văn Bạn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị C, sinh ngày 28/01/1989.

CCCD số: 030189009521, cấp ngày 24/8/2022, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn D, sinh ngày 02/11/1986.

CCCD số: 030086011272.

Trú tại: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/4/1967; CCCD số: 030167001358, cấp ngày 01/4/2022, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 05/5/1965; CCCD số: 030165005298, cấp ngày 25/02/2025, tại Bộ Công an.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng.

Chị C, anh D có mặt; bà H, bà H1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Sau khi tổ chức đám cưới anh chị về sinh sống tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Nay là tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mối quan hệ của chị C với em dâu và bố chồng chị không tốt nên nhiều lần xảy ra bất đồng quan điểm, chồng chị là anh D cũng chỉ nghe lời mẹ chồng cho là do chị đi làm công ty mới có vấn đề (nghi ngờ chị). Hiện nay chị cảm thấy không có tiếng nói trong gia đình nên đã đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 6/2025. Đến nay vợ chồng đã ly thân được 4 tháng, trong thời gian đó anh D có đến nhà chị động viên tìm đón chị về. Mẹ chồng chị cũng có khuyên bảo chị là suy nghĩ lại, nghĩ về hai đứa con và trở về nhà sống với anh D. Nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị C và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 và cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016. Hiện tại cả hai con chung đang ở với anh D. Khi ly hôn chị C có đề nghị được nuôi con chung Phạm Thị Trà M và giao con chung Phạm Phú S cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị xác định không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai. Hiện nay chị C làm công nhân ở công ty TNHH R, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, thời gian làm giờ hành chính.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Sau khi tổ chức đám cưới anh chị về sinh sống tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Nay là tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do từ lúc chị C đi làm công ty khác thì đã thay đổi tính cách và mâu thuẫn với em dâu. Anh D nhận thấy các mâu thuẫn đó đều nhỏ nhặt không đến mức phải ly hôn. Hiện tại chị C đã về nhà mẹ đẻ ở, anh D đề nghị Toà án hoà giải vợ chồng anh đoàn tụ. Nếu chị C kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị C.

Về con chung: Anh D và chị C có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 và cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016. Hiện tại cả hai con chung đang ở với anh D. Nếu vợ chồng anh ly hôn thì anh muốn đề nghị được nuôi cả hai con chung và anh D tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Nếu chị C có điều kiện cho con thì anh nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H - mẹ đẻ chị C trình bày: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1989 là con gái bà, anh Phạm Văn D, sinh năm 1995 là con rể bà. Anh chị kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Anh chị kết hôn tự nguyện. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới chị C về nhà anh D sống tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến tháng 6 năm 2025 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do em dâu của anh D bảo với bố mẹ chồng chị C về việc chị em nói chuyện qua lại và việc hai chị em tâm sự, chị H2 là em dâu anh D và chị H2 có nói lại với bố mẹ anh D chuyện chị em tâm sự. Bố mẹ đẻ anh D có mắng, chửi và đuổi chị C ra khỏi nhà. Gia đình bố mẹ anh D có đưa chị C về gia đình nhà bà giao trả chị C và ông Đ bố anh D có nói với gia đình bà là "đã bước chân đi thì cấm kỳ trở lại". Bà ít tâm sự với chị C nhưng từ khi chị C đi lấy chồng ở nhà anh D đều không có điều tiếng gì nhưng em dâu anh D mới về được 1 ngày thì có chuyện xảy ra. Anh D và mẹ đẻ anh D còn nói với chị C về việc từ khi chị C đi công ty mới là có vấn đề. Bà được biết từ khi lấy chồng chị C và anh D đi làm về được bao nhiêu tiền lương thì đưa cho mẹ đẻ anh D giữ và chi tiêu. Đến đầu năm 2024 thì mẹ đẻ anh D bảo chị C từ nay thì cất giữ tiền đi làm của vợ chồng. Mỗi tháng chị C đưa cho mẹ chồng 3.000.000 đồng tiền sinh hoạt của cả nhà anh D chị C. Nay chị C xin ly hôn anh D quan điểm của bà là không mong muốn anh chị ly hôn, nhưng chị C kiên quyết ly hôn thì tùy anh chị quyết định. Nếu chị C và anh D ly hôn, chị C được quyền nuôi con thì bà sẽ ủng hộ, phụ giúp chị C trong việc nuôi dạy chăm sóc cháu. Hơn nữa nhà cửa ông bà ở rộng rãi, ông bà lại chỉ có chị C là con gái. Vợ chồng ông bà làm nghề nông nghiệp, chăn nuôi thêm và chồng bà

có làm thêm nghề phụ xây thu nhập cũng khá. Thời gian bà ở nhà cả ngày nên thuận lợi cho việc chăm sóc con cháu phụ giúp chị C đi làm. Trường học cũng ở gần nhà nên rất thuận tiện cho việc học hành của cháu.Về tài sản chung và nợ chung của anh chị bà không nắm được. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Bà Nguyễn Thị H1 - mẹ đẻ anh D trình bày:

Chị C và anh D kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Anh chị kết hôn tự nguyện. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới chị C về nhà bà sống tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố C, phường C, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến tháng 6 năm 2025 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai chị em dâu nói chuyện với nhau về việc anh D mất sổ chấm công, cả nhà cũng tìm nhưng chị C thì không nói gì, Chị C có nói với chị H2 (con dâu út của bà) là “nếu không vì hai đứa con thì chị đâm đầu ô tô chết lâu rồi",... trong khi nói chuyện thì chị H2 có nói với chị C là “sao chị không động viên anh D 1 câu" thì chị C có nói lại là “không có gì, chỉ có ra Tòa giải quyết”. Chị H2 có bảo với ông bà là anh D hiền lành thế, chị C không động viên anh ấy mà lại nói như vậy. Ông bà có gọi các con lại để họp gia đình và hỏi chị C tại sao lại nói như vậy, chị C không nói gì. Bà có bảo chị C gọi điện thoại cho bố mẹ đẻ để bà nói chuyện thì chị C bảo “không cần gọi con đi thì con về”, chị C gọi cho bố đẻ bảo không phải xuống đón chị tự về. Sau đó chị C tự đi xe máy về còn gia đình ông bà cũng theo chị C đi về nhà bố mẹ đẻ chị C vì trời tối và để nói chuyện với bố mẹ đẻ chị C nữa. Khi về nhà chị C hai bên gia đình có ngồi nói chuyện trình bày lại câu chuyện. Trong lúc nóng giận ở nhà chị C hôm chị C về thì bố chồng chị C có nói với chị C là “bước chân đi thì cấm kỳ trở lại". Khoảng gần 2 tháng sau chị C về nhà bà xin giấy tờ làm đơn thì chồng bà có nói là “bố nóng thì mày bỏ qua cho bố", chị C cũng nói lại là "con buột miệng nói thì bố mẹ cũng thông cảm cho con". Từ khi chị C ở nhà bố mẹ đẻ thì gia đình bà, anh D và dì anh D cũng có đến nhà chị C khuyên bảo đón chị C về nhưng chị C không về. Tối ngày 22/8/2025 bà gọi điện cho chị C khuyên bảo về chung sống và bà bảo chị C có nói là: con về thì bố mẹ lên nói chuyện người lớn. Chị C trả lời bà là không về và nói là bố mẹ đừng làm khó dễ cho con nữa.

Nay chị C xin ly hôn anh D quan điểm của bà là không mong muốn anh chị ly hôn, mong các con ở cùng nhau nuôi dạy con cái cho các con cháu đỡ khổ, bà già rồi không thể nuôi dạy được các cháu. Về con chung, nguyện vọng của anh D và ông bà là nuôi các cháu lớn, cháu M học hết lớp 9 thì cháu về ở

với mẹ, chứ bây giờ cháu còn bé đi học chưa quen bạn, quen lớp. Nếu anh D được giao nuôi con nào thì ông bà có trách hỗ trợ anh D trong việc chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của anh chị bà cũng không nắm được. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai của cháu cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 cháu có nguyện vọng ở với anh D hết năm lớp 9 vì còn bảo ban em trai và dạy em trai học. Học xong lớp 9 thì cháu về ở với mẹ.

Tại bản tự khai của cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016 cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa: Chị C và anh D giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Phạm Văn D; về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 và cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016, hiện hai con đang ở với anh D. Giao con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Giao con chung là Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016 cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị Đỗ Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị C khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn D có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố C, phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu cuộc sống hoà thuận êm ấm, nhưng đến giữa năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong gia đình chị em dâu với nhau và hơn nữa cũng không có sự tin tưởng của gia đình; hiện tại đã sống ly thân được 04 tháng, anh chị không ai quan tâm đến ai. Chị C xin ly hôn, tại phiên tòa anh D có quan điểm chị C kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị C. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị C anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật.Vì vậy, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Phạm Văn D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 và cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với anh D. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị C, anh D thấy rằng: chị C và anh D đều làm lao động tự do. Hiện nay chị C làm công nhân ở công ty TNHH R, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, thời gian làm giờ hành chính thời gian chủ động nên đủ điều kiện nuôi con, bố mẹ đẻ chị hỗ trợ thêm cho chị trong việc chăm sóc cháu M. Anh D làm thợ xây thu nhập trung bình 10.000.000/tháng. Anh chị đều có việc làm, thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. chị C và anh D đều được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Nguyện vọng của cháu M cũng muốn ở với mẹ nhưng do cháu cũng muốn kèm cặp em trai học thêm nên muốn kèm em thêm 1, 2 năm nữa thì cháu về ở với mẹ.Tuy vậy cháu M là con gái, đang tuổi dậy thì cần có mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chỉ bảo, từ khi sinh ra đến nay đều được chị C và anh D nuôi dưỡng nên việc giao cháu M cho chị C nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu M. Cháu Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016, cháu cũng có nguyện vọng ở cùng bố và ông bà nội, hơn nữa cháu là con trai nên giao cháu Phạm Phú S cho anh D nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu S. Chị C và anh D không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Thị Trà M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể

từ tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Giao con chung Phạm Phú S cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị C và anh D tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh chị nên cần được chấp nhận.

[2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị C và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị C.

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị C và anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 05/10/2013 cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Phạm Phú S, sinh ngày 26/6/2016 cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị C và anh D không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với nhau.

Chị C và anh D có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/25E Số: 0000567 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- UBND phường C, thành phố Hải Phòng (ĐK số 62 ngày 03/8/2012);
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh